

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 555/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 14 tháng 3 năm 2007

### QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi ruột tiêu úng 16 xã huyện Cẩm Khê - thuộc Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi Độc Gạo - đồng Láng Chương và hồ chứa ruột tiêu úng 16 xã, huyện Cẩm Khê

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Thông báo số: 6174/BKH-TM&DL ngày 26/8/2006 của Bộ KH&ĐT về danh mục, hạn mức vốn các dự án thuộc Chương trình tín dụng chuyên ngành (JBIC);

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 99/TTr-SHK&ĐT/KTĐN ngày 06/3/2007,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi ruột tiêu úng 16 xã huyện Cẩm Khê - thuộc Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi Độc Gạo - đồng Láng Chương và hồ chứa ruột tiêu úng 16 xã, huyện Cẩm Khê, với các nội dung chính như sau:

**1. Tên dự án:** Cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi Độc Gạo - đồng Láng Chương và hồ chứa ruột tiêu úng 16 xã, huyện Cẩm Khê.

**Tiểu dự án:** Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi ruột tiêu úng 16 xã huyện Cẩm Khê.

**2. Chủ đầu tư:** UBND huyện Cẩm Khê

**3. Đơn vị tư vấn lập dự án:** Công ty cổ phần tư vấn DXNN và PTNT Phú Thọ.

**4. Mục tiêu đầu tư xây dựng:**

- Tiêu thoát nước cho diện tích lưu vực 7.450 ha gồm 16 xã thuộc địa bàn huyện Cẩm Khê; tiêu hỗ trợ cho diện tích vụ chiêm 841,08 ha lúa và 169,42 ha màu và tưới

chủ động cho 132,90 ha lúa và màu của các xã Đồng Cam, Tùng Khê, Sơn Tinh, Tạ Xá, Phú Khê, Yên Tập.

- Thuận lợi giao thông đi lại về mùa lũ, lưu thông hàng hóa tạo điều kiện thuận lợi cho đầu ra của các làng nghề trong toàn huyện và góp phần cải tạo môi trường sinh thái, cảnh quan, phát triển dịch vụ du lịch.

## **5. Nội dung và quy mô xây dựng:**

### **5.1. Quy mô:**

#### **5.1.1. Xây dựng các công trình tiêu:**

- Cải tạo nâng cấp hệ thống ruột tiêu: Nạo vét ruột tiêu T1 + T2, xây dựng các công trình thuộc ruột tiêu T1 + T2, đào mới kênh tiêu T3.

- Công tiêu đầu mối: Xây dựng mới công tiêu Sơn Tinh III, tu sửa hạ lưu công tiêu Sơn Tinh II.

- Xây dựng các công trình khoanh vùng: Đắp bờ vùng Đồng Cánh xã Sơn Tinh, nâng cấp bờ vùng Phú Khê và các công tiêu dưới bờ vùng.

#### **5.1.2. Xây dựng các công trình tiêu kết hợp tưới:**

Xây dựng hệ thống trạm bơm Đồng Cánh xã Sơn Tinh.

#### **5.1.3. Xây dựng các công trình tưới:**

- Xây dựng hệ thống trạm bơm tưới Gò Thông xã Phú Khê

- Xây dựng hệ thống trạm bơm tưới Phàn The xã Đồng Cam

- Xây dựng đập dâng nước Phú Khê xã Phú Khê.

### **5.2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu:**

- Cấp công trình: Các hạng mục công trình thuộc cấp III, các công trình hạng mục công trình khác thuộc cấp V

- Mức đảm bảo tiêu:  $P = 80\%$

- Hệ số tiêu:  $q = 6,211/s/ha$  (lấy theo công trình tương tự trên địa bàn - hệ số tiêu đồng Láng Chương).

- Mức đảm bảo tưới:  $P = 75\%$

- Mục nước thiết kế tiêu ngoài sông ứng với  $P = 80\%$

- Hệ số tưới:  $q = 1,0 l/s/ha$

- Hệ số lợi dụng kênh mương (kênh tiêu  $\eta = 1,0$ )

- Hệ số lợi dụng kênh mương (kênh tưới  $\eta = 0,85$ )

### **5.3. Công suất thiết kế:**

Hạng mục dự án được thiết kế để tiêu thoát lũ nhanh cho lưu vực 7450 ha, tiêu hỗ trợ cho 841,08 ha lúa chiêm 169,42 ha màu, cung cấp nước tưới cho 132,9 ha đất nông nghiệp, tăng diện tích nuôi trồng thủy sản và góp phần cải tạo giao thông nông thôn.

### **5.4. Quy mô xây dựng và các kết cấu hạng mục công trình:**

#### 5.4.1. Tuyến ruột tiêu T1 (Ngô Xá :- Sơn Tinh):

- Tổng chiều dài  $L = 14.751$  m. Mặt cắt thiết kế hình thang, hình thức kết cấu là kênh đất. Theo chiều dài tuyến kênh, mặt cắt được thiết kế thay đổi để phù hợp với lưu lượng cần tiêu.

Đoạn từ K0 :- K11/6D mặt cắt kênh đã tương đối phù hợp với mặt cắt thiết kế. Thiết kế nạo vét từ K11/6D :- K14/7A chiều dài  $L = 3.052$  m. Xây dựng các cống tiêu thuộc ruột tiêu T1 để đảm bảo thoát tiêu lũ.

- Công trình trên kênh gồm 13 hạng mục; sửa chữa nâng cấp 7 hạng mục và làm mới 6 hạng mục: Cống tiêu tại K0A, K1/3A, cầu dân sinh K5/4A, K12/6A trên kênh tiêu T1 và 01 cống tiêu trên kênh tiêu Thủy Trầm - Đồng Cam, 01 cống tiêu trên kênh tiêu Phương Xá - Đồng Cam.

#### 5.4.2. Tuyến kênh tiêu số T2:

- Tuyến kênh tiêu T2 có tổng chiều dài tạo vét  $L = 2.274$  m. Mặt cắt thiết kế hình thang, hình thức kết cấu là kênh đất. Lưu lượng thiết kế kênh:

$Q = 5,20 \text{ m}^3/\text{s}$ ;  $i = 1 \times 10^{-4}$ ;  $n = 0,0225$ ;  $m = 1,50$ ;  $b = 5,0 \text{ m}$ ;  $h = 1,65 \text{ m}$ ;  $h = 0,30 \text{ m}$ . Chiều cao kênh  $H = 1,95 \text{ m}$ .

- Công trình trên kênh gồm: 02 cống tiêu.

#### 5.4.3. Đào kênh tiêu T3 (mở cửa thoát lũ 3):

Đào kênh tiêu T3, chiều dài  $L = 585,0$  m. Hình thức kết cấu là kênh đất, mặt cắt kênh hình thang, lưu lượng thiết kế kênh  $Q = 21,0 \text{ m}^3/\text{s}$ ; độ dốc đáy kênh  $i = 4 \times 10^{-4}$ ;  $n = 0,0225$ ;  $m = 1,50$ ;  $b = 8,0 \text{ m}$ ;  $h = 0,30 \text{ m}$ . Chiều cao kênh  $H = 2,10 \text{ m}$ .

#### 5.4.4. Xây dựng cống Sơn Tinh III:

Cống tiêu Sơn Tinh 3 được làm mới, lưu lượng thiết kế  $Q = 21,0 \text{ m}^3/\text{s}$ . Chiều dài cống  $L = 28,0$  m. Cao trình đáy cống (+ 17.00). Hình thức kết cấu cống hộp 2 cửa; kích thước mỗi cửa:  $B = 2,0 \text{ m}$ ;  $H = 3,00 \text{ m}$ . Kết cấu cống bằng bê tông CTR200, tường bằng BTR150, phía ngòi Me bố trí cách cửa thép đóng mở tự động.

#### 5.4.5. Tu sửa cống Sơn Tinh II:

Cống tiêu Sơn Tinh II chỉ thiết kế sửa chữa gia cố hạ lưu cống và kè mái bờ tả ngòi Me khu vực thượng hạ lưu cống. Hình thức kết cấu gia cố là kè lát mái đê phía ngòi Me bằng đá xây.

#### 5.4.6. Nâng cấp bờ vùng Phú Khê (xã Tạ Xá - Phú Khê):

Tổng chiều dài bờ vùng  $L = 987$  m; cao trình đỉnh bờ vùng: + 22.00 m; chiều rộng mặt bờ vùng:  $B = 3,0 \text{ m}$ ; độ dốc mái bờ vùng:  $m = 1,50$

Đắp bờ vùng đảm bảo độ chặt thiết kế  $K = 0,9$ . Bảo vệ mái thượng hạ lưu bằng trồng cỏ.

#### 5.4.7. Xây dựng Đập dâng nước xã Phú Khê:

Đập dâng nước tưới tự chảy cho diện tích 37,3 ha lúa, trong đó xã Phú Khê 15 ha và Tạ Xá 22,30 ha. Đập được xây dựng tại cọc 0/3A kênh tiêu T2. Hình thức đập

dâng: Phai dâng nước, hai bên có cống lấy nước  $D = 20$  cm dẫn vào kênh tưới. Phai được bố trí gồm 2 cửa. Kích thước mỗi cửa ( $b \times h = 3,0 \times 2,7$ ) m.

Kích thước cánh cửa thép:  $2 \times (3,30 \times 2,0)$  m

Kết cấu đập dâng móng bằng BTCTR200, tường và trụ bằng BTR150, tấm nắp bằng BTCTR200 dày 20 cm kết hợp làm cầu dân sinh, có dàn đóng mở và cánh cửa thép. Đóng mở bằng vít V5. Kênh tưới là kênh đất.

#### 5.4.8. Xây dựng Trạm bơm tiêu kết hợp tưới Đồng Cánh - xã Sơn Tinh:

- Trạm bơm lắp đặt 03 tổ máy bơm: 01 tổ máy bơm loại HL 135 - 6,5; 01 tổ máy bơm loại HL 900 - 9 và 01 tổ máy bơm chân không (mỗi nước).

- Nhà trạm: Kiểu móng tách rời, diện tích sử dụng ( $5 \times 4 = 20 \text{ m}^2$ ) cao 3,50 m. Móng bằng BTCTR200, tường xây gạch vữa XMR75 dày 22 cm, cao 3,5 m, mái bằng bê tông cốt thép R200 dày 8 cm.

- Bể hút: Tường xây gạch vữa xi măng R75, móng tường và đáy bể bê tông CT R150, dài 3,0 m rộng 2,0 m.

- Bể xả: Kiểu hình thang rộng ( $3,20$  :-  $0,8$ )m, chiều dài 4m, cao 1,0m tường xây gạch vữa XMR75, đáy bằng bê tông cốt thép R200.

- Kênh và công trình trên kênh: Gồm có 3 tuyến kênh

+ Kênh dẫn: Từ ruột tiêu đến bến Sản (cống Sơn Tinh I) vào bể hút trạm bơm (kênh đất).

+ Kênh tiêu từ bể xả ra ngoài Me (kênh đất)

Mặt cắt kênh dẫn và kênh xả (kênh đất)  $Q = 0,31 \text{ m}^3/\text{s}$ ;  $i = 2 \times 10^{-4}$ ;  $n = 0,0225$ ;  $m = 1,0$ ;  $b = 1,0$  m;  $h = 0,73$  m;  $h = 0,30$  m

+ Kênh tưới: Chiều dài  $L = 800$  m, tường kênh xây gạch vữa XMR75 dày 11 cm, trát vữa XMR75 dày 1,5 cm, đáy kênh bằng BTR150 dày 10 cm, mỗi đoạn kênh dài 5,0 m có bộ trụ làm khe lún bao tải nhựa đường và lắp giằng kênh tại vị trí giữa đoạn kênh. Mặt cắt kênh thiết kế:  $Q = 0,04 \text{ m}^3/\text{s}$ ;  $i = 2 \times 10^{-3}$  :-  $4 \times 10^{-3}$ ;  $n = 0,017$ ;  $m = 0$ ;  $b = (0,40$  :-  $0,30)$  m;  $h = 0,3$  m;  $h = 0,20$  m, chiều cao kênh  $H = 0,50$  m.

+ Bờ vùng Đồng Cánh: Đắp bờ vùng đảm bảo độ chặt thiết kế  $K = 0,90$ , khoanh bao diện tích 50 ha để tiêu triệt để tăng diện tích từ 1 vụ lúa lên 2 vụ. Chiều dài  $L = 372,6$  m. Cao trình đỉnh bờ vùng (+ 21.80), bề rộng mặt  $B = 3,0$  m. Mái  $m = 1,50$ .

Dưới bờ vùng có cống tiêu khẩu độ  $b = 1,0$ ;  $h = 1,20$  m. Cống có dàn van cánh cửa 2 chiều, đóng mở bằng vít V3.

+ Làm dàn van cánh cửa cống phía đồng cống Sơn Tinh I: Dàn van BTCTR300, cánh cửa thép, đóng mở bằng vít V3, để đóng cống dâng nước tiêu Bến Sản vào bể hút của trạm bơm.

- Nguồn điện: Lấy điện từ trạm biến áp Sơn Tinh II của xã Sơn Tinh (cách vị trí xây dựng trạm bơm 300 m).

#### 5.4.9. Xây dựng trạm bơm tưới Gò Thông xã Phú Khê:

- Trạm bơm lắp đặt 02 tổ máy bơm: 01 tổ máy bơm loại HL 135 - 6,5 và 01 tổ máy bơm chân không (mỗi nước)

- Nhà trạm: Kiểu móng tách rời, diện tích sử dụng ( $4 \times 3 = 12 \text{ m}^2$ ), cao 3,50 m. Móng bằng và tường xây gạch vữa XMR75 dày 22 cm, cao 3,5 m, mái bằng bê tông cốt thép R200 dày 8 cm.

- Bể hút: Tường xây gạch vữa xi măng R75, móng tường và đáy bể bằng bê tông CT R150, dài 3,0 m rộng 2,0 m.

- Bể xả: Kiểu hình thang dài: 3,0 m, rộng  $b = (1,60 \text{ :-} 0,4)$  m, tường xây gạch vữa XMR75, đáy bằng bê tông cốt thép R200.

- Kênh và công trình trên kênh: Gồm có 2 tuyến kênh, tổng chiều dài  $l = 1385$  m. Kết cấu: Tường kênh xây gạch vữa XMR75 dày 11 cm, trát vữa XMR75 dày 1,5 cm, đáy kênh bằng BTR150 dày 10 cm, mỗi đoạn kênh dài 5,0m có bố trí làm khe lún bao tải nhựa đường và lắp giằng kênh tại vị trí giữa đoạn kênh. Mặt cắt kênh TK:  $Q = 0,044 \text{ m}^3/\text{s}$ ;  $i = 4 \times 10^{-4}$ ;  $n = 0$ ;  $b = (0,40 \text{ :-} 0,3)$  m;  $h = 0,34$  m;  $h = 0,16$  m, chiều cao kênh  $H = 0,50$  m. Công trình trên kênh: Gồm 12 công trình.

- Nguồn điện: Xây dựng 1 trạm biến áp treo 50KVA; đường dây cao thế: 200 m và đường dây hạ thế: 200 m. Điểm đầu tại cột số 15 đường điện 35KV từ Yên Tập đi nhà máy chè Cẩm Khê

#### 5.4.10. Xây dựng Trạm bơm tưới Phàn Phe xã Đồng Cam

- Trạm bơm lắp đặt 02 tổ máy bơm: + 01 tổ máy bơm loại HL 135 - 6,5 và 01 tổ máy bơm chân không (mỗi nước).

- Nhà trạm: Kiểu móng tách rời, diện tích sử dụng ( $4 \times 3 = 12 \text{ m}^2$ ), cao 3,50 m. Móng bằng và tường xây gạch vữa XMR75 dày 22 cm, cao 3,5m, mái bằng bê tông cốt thép R200 dày 8 cm

- Bể hút: Tường xây gạch vữa xi măng R75, móng tường và đáy bể bằng bê tông CT R150, dài 3,0 m rộng 2,0 m.

- Bể xả: Chiều dài: 2,0 m, rộng 1,60 m, tường xây gạch vữa XMR75, đáy bằng bê tông cốt thép R200.

- Kênh và công trình trên kênh: Gồm có 2 tuyến kênh, tổng chiều dài  $l = 1150$  m. Kết cấu: Tường kênh xây gạch vữa XMR75 dày 11 cm, trát vữa XMR75 dày 1,5 cm, đáy kênh bằng BTR150 dày 10 cm, mỗi đoạn kênh dài 5,0 m có bố trí làm khe lún bao tải nhựa đường và lắp giằng kênh tại vị trí giữa đoạn kênh. Mặt cắt kênh TK:  $Q = 0,044 \text{ m}^3/\text{s}$ ;  $i = (2 \times 10^{-4})$ ;  $n = 0,017$ ;  $m = 0$ ;  $b = (0,40 \text{ :-} 0,3)$  m;  $h = 0,35$  m;  $h = 0,15$  m, chiều cao kênh  $H = 0,50$  m. Công trình trên kênh: 22 công trình.

- Nguồn điện: Xây dựng 1 trạm biến áp treo 50KVA; đường dây cao thế: 500 m và đường dây hạ thế: 200 m. Điểm đầu tại cột số 4 đường điện 10KV từ Đồng Cam đi Văn Bán.

*(Chi tiết theo dự án, thiết kế cơ sở đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định. Chủ đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo đơn vị*

*tu vấn hoàn chỉnh dự án theo ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số: 13/KQTĐ/SNN-TL ngày 05/02/2007 trước khi thiết kế kỹ thuật thi công công trình).*

#### **6. Loại cấp công trình.**

- Hệ thống ruột tiêu và các cống tiêu đầu mối: Thuộc công trình cấp III
- Hệ thống các trạm bơm, các bờ vùng, đập dâng: Thuộc công trình cấp V.

**7. Địa điểm xây dựng :** Trên địa bàn 16 xã huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

**8. Diện tích sử dụng đất:** Diện tích đất thu hồi: 4,22 ha.

#### **9. Phương án giải phóng mặt bằng tái định cư:**

Thực hiện theo Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, Quyết định số 582/2005/QĐ-UB ngày 28/02/2005 và Quyết định số 676/2005/QĐ-UB ngày 16/3/2005 của UBND tỉnh Phú Thọ.

**10. Tổng mức đầu tư: 16.840.854.884, đồng**

Trong đó:

- + Chi phí xây dựng: 14.535.958.000, đồng
- + Khảo sát thiết kế lập dự án đầu tư: 414.322.474, đồng
- + Khảo sát thiết kế bản vẽ thi công: 499.849.784, đồng
- + Đền bù GPMB (tạm tính): 631.551.200, đồng
- + Chi phí QLDA & chi phí khác: 759.173.426, đồng

#### **11. Nguồn vốn đầu tư:**

- + Vốn chương trình JBIC: 12.640.000.000, đồng
- + Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 2.528.000.000, đồng
- + Vốn đối ứng ngân sách huyện: 1.672.854.884, đồng

**12. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu trực tiếp quản lý dự án

#### **13. Tổ chức thực hiện:**

- Thời gian thực hiện: Năm 2007 - 2008

- Lựa chọn tư vấn khảo sát thiết kế lập dự án; tư vấn khảo sát thiết kế bản vẽ thi công và lập tổng dự toán: Theo hình thức chỉ định thầu (kinh phí dưới 500 triệu đồng).

+ Lựa chọn nhà thầu thi công: Tổ chức đấu thầu theo quy định hiện hành.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Cẩm Khê và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan căn cứ quyết định thực hiện.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Hải (đã ký)**